SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ GTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN CHẾ XE KHÓA 48002K23B2024&B2025 (0623B) HẠNG B2

stt	Họ và tên học viên	n. sinh	Địa chỉ	xe	g. chú
1	HOÀNG TRUNG KIÊN	01/12/1992	X. Quảng Thủy, TX. Ba Đồn, T. Quảng Bình	*43A-291.61 Phạm Tấn Thịnh*	
2	NGUYỄN TRUNG	10/06/1992	X. Tam Mỹ Tây, H. Núi Thành, T. Quảng Nam		
3	NGUYỄN DUY ANH	30/09/2003	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
4	ĐẶNG BẢO THÀNH	05/05/1992	P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
5	LÊ QUỐC TRỌNG	27/02/2004	X. Mỹ Hiệp, H. Phù Mỹ, T. Bình Định		
6	LÊ ĐỨC HOÀNG	02/09/1997	P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	*43A-293.30 Tạ Minh Thuận*	
7	VÕ MẠNH LONG	31/05/1991	P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
8	TRẦN PHI MAI	17/10/1991	P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
9	NGUYỄN DUY QUANG	27/01/2000	X. Hành Thiện, H. Nghĩa Hành, T. Quảng Ngãi		
10	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	10/06/2003	P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
11	PHẠM THỊ THU LIÊM	20/12/1990	P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	*43A-292.82 Giao Thanh Tùng*	
12	PHẠM NGUYỄN HỒNG NHUNG	02/01/2001	X. Nghĩa Hà, H. Tư Nghĩa, T. Quảng Ngãi		
13	QUANG VINH QUÝ	18/12/1982	P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
14	ĐẶNG ANH CƯỜNG	27/10/2003	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
15	HỒ ANH TUẤN	03/07/2005	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
16	HỒ THỊ LAN	10/06/1996	X. Sơn Hóa, H. Tuyên Hóa, T. Quảng Bình	*43A-292.10 Trần Quốc Khánh*	
17	ĐỖ HUY HOAN	14/10/1983	X. Sài Sơn, H. Quốc Oai, TP. Hà Nội		
18	NGUYỄN VĂN SƠN	04/01/1997	X. Hòa Khương, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
19	NGUYỄN VĂN HIỆP	07/01/1997	X. Thăng Phước, H. Hiệp Đức, T. Quảng Nam		
20	TRẦN THỊ HÒA	10/09/1994	X. Bình Quý, H. Thăng Bình, T. Quảng Nam		
21	NGUYỄN VĂN BẢO	05/10/1989	X. Hòa Khương, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng	*43A-292.59 Võ Lựu*	
22	LÊ VĨNH QUANG	02/10/1968	P. Tam Thuận, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
23	HÀ THỊ THẢO	01/10/1992	P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
24	ĐINH NGỌC TUÂN	17/08/2005	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
25	NGUYỄN PHẠM QUỐC HUY	07/05/2000	P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
26	NGUYỄN NGỌC HUY	31/03/2001	P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	*43A-292.56 Trương Công Sỹ*	
27	NGUYỄN HOÀNG HÀ	08/09/1996	P. Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
28	NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG	23/09/1999	P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
29	PHẠM THỊ THÙY LIÊN	05/11/1994	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
30	PHẠM ĐÌNH THỜI	12/04/1998	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
31	NGUYỄN THỊ DUNG	21/06/1976	P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	*43A-292.53 Lê Văn Long*	
32	PHẠM LÊ MỸ DUNG	25/05/1999	P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
33	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG HẰNG	08/09/1996	P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
34	LÊ VĂN HƯNG	10/04/1996	P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
35	MAI VĂN ĐẠT	08/10/2004	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		

36	LÊ KHẢ HẢI	13/11/2000	P. Mân Thái, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	*43A-292.91 Đặng Hoàng Phương*	
37	HỒ XUÂN THẢO	14/10/1985	P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
38	NGUYỄN VĂN TÙNG	18/08/2002	P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
39	LÊ ĐÀO ÁNH	16/11/1994	P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
40	PHẠM HỮU ĐÔNG	01/08/1989	X. Đại Thắng, H. Đại Lộc, T. Quảng Nam		
41	LÊ TRƯƠNG PHƯỚC THỊNH	11/01/2003	P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	*43A-294.65 Võ Phan Chung*	
42	TRẦN NGỌC HIỀN	09/09/1993	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
43	NGUYỄN DUY NHẬT	27/09/2001	P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
44	NGUYỄN THỊ LOAN	05/05/1990	P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
45	LÊ BÌNH KỲ DUYÊN	11/03/1998	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	*43A-292.61 Huỳnh Quốc Bảo*	
46	TRẦN XUÂN VỊNH	01/01/1977	P. Hòa Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
47	TRÀ TRẦN LINH TRANG	18/09/2003	P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
48	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	04/10/1997	P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
49	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ĐÔNG	28/01/1986	P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	*43A-015.10 Trần Ngọc Tuấn*	
50	CAO DIỄM QUỲNH	29/04/2001	P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
51	NGÔ VĂN VIỆT	13/06/2004	P. Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		**0123**
52	LÊ ĐÀO HOÀNG ANH	10/02/2002	P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
53	NGUYỄN HOA THỦY TIÊN	10/03/2001	X. Ân Thạnh, H. Hoài Ân, T. Bình Định		
54	HUỲNH XUÂN SƠN	08/07/2003	X. Đại Lãnh, H. Đại Lộc, T. Quảng Nam	*43A-290.46 Phạm Huy Bảo*	
55	LƯU ANH KIỆT	19/03/2002	P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
56	NGUYỄN PHÚC DUY	25/10/1990	P. An Hải Tây, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
57	PHAN QUỐC KHẢI	23/01/2004	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
58	NGUYỄN VĂN NGỌN	01/01/1985	X. Phong Điền, H. Trần Văn Thời, T. Cà Mau		

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 10 năm 2023

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ GTCC
PHÒNG ĐÀO TẠO

TỔ 1 PHỤ TRÁCH

(Đã ký)

Bùi Thế Hiển